TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG
Digitally signed by TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN=TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108412633, E=MNTHANHXUANTRUNG-TX@HANOIEDU.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.12.21 08:18:05+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

UBND QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG MN THANH XUÂN TRUNG

Biểu số 01/CK-MNTXT

BIỂU NIÊM YẾT CÔNG KHAI

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-MNTXT ngày 19/12/2023 của Trường MN Thanh Xuân Trung)

I. Công khai chỉ tiêu biên chế được giao năm 2024:

ĐVT: người

Tổng cộng	**Trong đó**		
	Biên chế viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP làm công việc hỗ trợ, phục vụ)LĐHĐ theo NĐ 68/2000/NĐ-CP trước đây)	LĐHĐ theo định mức (nhân viên nấu ăn)
49	35	3	

II. Công khai số liệu Dự toán thu- chi ngân sách được giao năm 2024:

ĐVT: đồng

Nội dung	**Dự toán năm 2024**
A. TỔNG SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ (I+II.4)	**4.958.691.000**
I. Thu học phí	**1.350.000.000**
II. Dự toán chi theo định mức	**4.484.000.000**
1. Trừ nguồn học phí tại đơn vị *Sau khi đảm bảo quỹ tiền lương theo NDD/NĐ-CP ngày 30/12/2023)*	735.000.000
2. Trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên (*không kể lương, PC và các khoản theo lương)* để thực hiện CC tiền lương.	93.609.000
3. Trừ 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023	46.700.000
4. Dự toán ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên (*nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề) (4=II-1-2-3)*	3.608.691.000
B. TỔNG SỐ CHI CỦA ĐƠN VỊ (I+II)	**4.958.691.000**
I. Chi từ nguồn thu học phí	**1.350.000.000**
1. 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương khi Nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở	540.000.0000
2. 60% mức thu học phí để lại chi hoạt động thường xuyên	810.000.000
II. Chi từ NSNN cấp chi thường xuyên theo định mức *(Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề)*	**3.608.691.000**

TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG
Digitally signed by TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN=TRƯỜNG MẦM NON THANH XUÂN TRUNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108412633, E=MNTHANHXUANTRUNG-TX@HANOIEDU.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.12.21 08:18:24+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ T

Đơn vị: Trường mầm non Thanh Xuân Trung
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐIỀU CHỈNH NĂM 2024

(Kèm theo BB niêm yết công khai ngày 20/12/2023 của Trường MN Thanh Xuân Trung)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao sau điều chỉnh
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**1.350.000.000**
1	**Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	**1.350.000.000**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.350.000.000
	40% Chi Cải cách lương từ Nguồn Học phí	*540.000.000*
	60% Chi hoạt động từ nguồn Học phí	*810.000.000*
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.608.691.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**3.608.691.000**
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	